

Từ 3 đến 6 tháng: 60% phí năm.

Trên 6 tháng đến 9 tháng: 90% phí năm.

Trên 9 tháng: 100% phí năm.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

THÔNG TƯ số 31/1998/TT-BTC ngày 17-3-1998 hướng dẫn sửa đổi Thông tư số 47-TC/TCT ngày 18-7-1997 về chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép kinh doanh.

Thi hành Điều 10 Nghị định số 66-HĐBT ngày 2-3-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về cá nhân và nhóm kinh doanh có mức vốn thấp hơn vốn pháp định quy định tại Nghị định số 221-HĐBT ngày 23-7-1991, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 47-TC/TCT ngày 18-7-1997 hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép kinh doanh theo Nghị định số 66-HĐBT ngày 2-3-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ);

Qua thời gian thực hiện, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi Điểm 1, Mục II Thông tư số 47-TC/TCT ngày 18-7-1997 như sau: *Mức thu lệ phí cấp giấy phép đăng ký kinh doanh áp dụng thống nhất 30.000 đồng/giấy (ba mươi nghìn đồng);* các quy định khác vẫn áp dụng theo quy định tại Thông tư số 47-TC/TCT ngày 18-7-1997 của Bộ Tài chính.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ MỘNG GIAO

THÔNG TƯ số 32/1998/TT-BTC ngày 17-3-1998 hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và các khoản thu ngân sách nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích.

Căn cứ các luật thuế, pháp lệnh thuế và các văn bản quy phạm pháp luật về các khoản thu ngân sách nhà nước hiện hành;

Căn cứ Nghị định số 56-CP ngày 2-10-1996 của Chính phủ về doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện chính sách thuế và các khoản thu ngân sách nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Đối tượng áp dụng Thông tư này là các doanh nghiệp nhà nước có đủ các điều kiện sau:

- Được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào các tiêu thức quy định tại Điều 1 và Điều 2 Nghị định số 56-CP ngày 2-10-1996 của Chính phủ quyết định là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích.

- Hoạt động công ích phù hợp với ngành nghề đăng ký trong giấy phép kinh doanh.

- Thực hiện chế độ sổ sách kế toán, sử dụng các chứng từ kế toán theo đúng chế độ hiện hành và theo dõi hạch toán riêng phần hoạt động công ích với các hoạt động kinh doanh khác.

- Thực hiện chế độ đăng ký nộp thuế và các khoản thu khác theo đúng quy định của pháp luật.

II. CÁC LOẠI THUẾ VÀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HOẠT ĐỘNG CÔNG ÍCH

Các doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích đều phải thực hiện đăng ký, kê khai thuế và các khoản thu ngân sách nhà nước với cơ quan thuế theo hướng dẫn tại Thông tư này như sau:

1. Thuế doanh thu:

Tất cả các doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích phải thực hiện việc kê khai đăng ký và nộp thuế doanh thu theo đúng quy định của Luật Thuế doanh thu, các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế doanh thu.

Việc xét miễn thuế, giảm thuế doanh thu đối với hoạt động công ích theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 56-CP ngày 2-10-1996 được thực hiện như sau:

a) Đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích mới thành lập nếu có đủ điều kiện theo luật định, thì được xét miễn thuế, giảm thuế theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, Luật Thuế doanh thu và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế doanh thu.

b) Đối với các doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động công ích thì ngoài những hoạt động công ích được tạm thời chưa thu thuế doanh thu theo quy định của Luật Thuế doanh thu và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế doanh thu, các hoạt động công ích khác nếu không bù đắp được chi phí sản xuất hoặc chi phí cung ứng dịch vụ thì được xét giảm thuế doanh thu tương ứng với số

lỗ, nhưng không quá 50% số thuế doanh thu phải nộp hàng năm.

Để có căn cứ xét giảm thuế doanh thu theo hướng dẫn trên, sau khi kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp công ích phải lập hồ sơ xin giảm thuế gửi đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý đơn vị. Hồ sơ xin giảm thuế gồm có:

- Đơn xin giảm thuế doanh thu của đơn vị nêu rõ nguyên nhân xin giảm thuế;

- Báo cáo tài chính năm của đơn vị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Báo cáo quyết toán thuế năm của đơn vị.

Trình tự, thủ tục và thẩm quyền xét giảm thuế doanh thu thực hiện theo hướng dẫn tại phần D, mục III, Thông tư số 97-TC/TCT ngày 30-12-1995 của Bộ Tài chính.

2. Thuế lợi tức:

Các doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích có lợi tức chịu thuế đều phải kê khai nộp thuế lợi tức theo đúng quy định của Luật Thuế lợi tức và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế lợi tức.

Việc xét giảm thuế lợi tức đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích theo quy định tại Điểm 2a, Điều 5 Nghị định số 56-CP được thực hiện như sau:

a) Đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích mới thành lập nếu có đủ điều kiện theo luật định thì được xét miễn thuế, giảm thuế theo quy định của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, Luật Thuế lợi tức và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế lợi tức.

b) Đối với các doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động công ích được duyệt bổ sung vốn để tương ứng với nhiệm vụ công ích được giao, nếu có lãi được xét giảm thuế lợi tức bằng số vốn được duyệt bổ sung, nhưng mức giảm thuế tối đa không quá 50% số thuế lợi tức phải nộp trong năm xét giảm thuế.

Thủ tục, trình tự xét miễn, giảm thuế:

Để có cơ sở xét giảm thuế, đơn vị phải gửi hồ sơ xin giảm thuế đến cơ quan thuế có thẩm quyền, hồ sơ gồm có:

- Đơn xin giảm thuế có ý kiến xác nhận của cơ quan thuế trực tiếp quản lý về việc đơn vị đủ điều kiện được xét giảm thuế và số thuế được xét giảm;

- Quyết định phê duyệt bổ sung vốn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Báo cáo tài chính năm và báo cáo quyết toán thuế năm của đơn vị.

Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế trực tiếp quản lý đơn vị có trách nhiệm kiểm tra xem xét số liệu và tình hình liên quan đến việc xét giảm thuế lợi-tức, giải quyết các trường hợp thuộc thẩm quyền; các trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết phải có ý kiến và kiến nghị bằng văn bản kèm theo hồ sơ xin giảm thuế của đơn vị để gửi lên cơ quan thuế cấp trên xem xét quyết định; các hồ sơ tài liệu xét giảm thuế phải là bản gốc, nếu là bản sao phải có xác nhận sao y bản chính và đóng dấu của doanh nghiệp vào từng trang tài liệu có trong hồ sơ.

Thẩm quyền xét giảm thuế:

Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm kiểm tra và quyết định hoặc kiến nghị lên cơ quan cấp trên quyết định việc giảm thuế cho từng trường hợp cụ thể theo đúng thẩm quyền như sau:

- Cục trưởng Cục Thuế xét và quyết định giảm thuế cho các trường hợp có mức giảm thuế đến 100 triệu đồng.

- Tổng Cục trưởng Tổng cục Thuế xét và quyết định giảm thuế cho các trường hợp có mức giảm thuế trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng.

- Bộ trưởng Bộ Tài chính xét và quyết định giảm thuế cho các trường hợp có mức giảm thuế trên 500 triệu đồng.

Trường hợp sau khi xét giảm thuế theo Thông tư này, doanh nghiệp vẫn không đủ số vốn cần bổ sung được duyệt, thì Nhà nước sẽ xem xét cấp bổ sung vốn cho doanh nghiệp cho đủ số vốn cần bổ sung đã được duyệt.

3. Các khoản thu theo giá, khung giá hoặc phí do Nhà nước quy định mà không cần có chi phí sản xuất hoặc dịch vụ:

Doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích có các khoản thu theo giá, khung giá hoặc phí do Nhà nước quy định mà không cần phải có chi phí sản xuất hoặc dịch vụ, thì sau khi trừ các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp, các khoản thuế và các quỹ được trừ theo chế độ hiện hành, phần chênh lệch còn lại phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

Cơ quan thuế trực tiếp quản lý các doanh nghiệp có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn đơn vị thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo đúng luật định và hướng dẫn tại Thông tư này. Để đảm bảo số thu được đồng viên kịp thời vào ngân sách nhà nước, hàng tháng, cơ quan thuế trực tiếp quản lý phải tiến hành kiểm tra doanh thu và chi phí thực tế của đơn vị và tạm thu phần chênh lệch giữa doanh thu và chi phí vào ngân sách nhà nước, mức tạm thu tối đa không quá 70% số chênh lệch đã được xác định.

4. Các loại thuế và các khoản thu ngân sách nhà nước khác đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các hướng dẫn về thuế và các khoản thu ngân sách nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trước đây trái với hướng dẫn tại Thông tư này đều bị bãi bỏ. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề

ngộ các doanh nghiệp và cơ quan thuế phản ảnh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu hướng dẫn cho phù hợp.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ MỘNG GIAO

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

THÔNG TƯ số 346/1998/TT-TCĐC
ngày 16-3-1998 hướng dẫn thủ tục
đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa
chính và cấp giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993;

Căn cứ Nghị định số 64-CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 2-CP ngày 15-1-1994 của Chính phủ quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 34-CP ngày 23-4-1994 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Địa chính;

Căn cứ Nghị định số 88-CP ngày 17-8-1994 của Chính phủ về quản lý và sử dụng đất đô thị;

Căn cứ Nghị định số 9-CP ngày 12-2-1996 của Chính phủ quy định về chế độ quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh;

Căn cứ Chỉ thị số 10/1998/CT-TTg ngày 20-2-1998 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh và hoàn thành việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp;

Căn cứ Chỉ thị số 245-TTg ngày 22-4-1996 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức thực hiện một số việc cấp bách trong quản lý sử dụng đất của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất;

Xét nhu cầu tăng cường quản lý thống nhất về đất đai;

Xét nhu cầu đẩy nhanh quá trình kê khai, đăng ký, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên phạm vi cả nước;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đăng ký thống kê, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Tổng cục Địa chính hướng dẫn việc kê khai đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

I. KÊ KHAI ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

I.1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân là công dân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc các diện:

1. Được Nhà nước Việt Nam giao đất, cho thuê đất;
2. Đang sử dụng đất vào các mục đích;
3. Được phép thay đổi mục đích sử dụng đất;
4. Được phép chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp, thừa kế quyền sử dụng đất;

đều phải đăng ký đất tại Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn - nơi có đất theo hướng dẫn tại Thông tư này. Riêng đối với đất có nhà ở thuộc khu